

BIẾN ĐỘNG VỚI BIÊN ĐỘ HẸP










Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động trái chiều trong phiên giao dịch hôm qua. Chỉ số Dow Jones giảm 39,02 điểm (-0,11%), chỉ số NASDAQ tăng 384,50 điểm (+3,25%) và chỉ số S&P 500 tăng 60,55 điểm (+1,47%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều biến động nhẹ cùng xu hướng chung của thị trường.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm nhẹ trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 59,05 điểm (+0,76%), CAC 40 (Pháp) tăng 89,16 điểm (+1,26%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent giảm lần lượt là 0,69% và 0,81% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như bạc, lúa mì, thịt lợn tăng điểm nhẹ.
- Đầu tư bất động sản tại Châu Á- Thái Bình Dương giảm 27% do chu kỳ lãi suất thắt chặt và bất ổn vĩ mô.
- Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm lên mức 4% trong cuộc họp lúc 19h30 ngày 2/2 (giờ Việt Nam).

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch mở cửa với mức tăng điểm nhẹ nhờ sự nâng đỡ của nhóm cổ phiếu trụ, trong suốt cả phiên chỉ số giằng co trong biên độ hẹp, tuy nhiên vẫn giữ được sắc xanh khi kết thúc phiên. Kết thúc phiên, Vnindex tăng 1,62 điểm, đóng cửa tại 1.077,59 điểm, giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động nhẹ so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành giảm điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như công nghệ, dầu khí. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như FPT, VGI, BSR.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với giá trị hơn 432,18 tỷ, tập trung mua các cổ phiếu như HPG, STB, VIC. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia mua ròng nhẹ với 322,30 tỷ đồng.
- Vụ trưởng Vụ kế hoạch – Đầu tư cho biết hơn 94.000 tỷ đồng vốn đầu tư công cho các dự án giao thông năm 2023.
- Tháng 01/2023, Kim ngạch Xuất nhập khẩu Việt Nam ước đạt 46,56 tỷ USD, giảm 17,3% so với tháng 12/2022.

Doanh nghiệp

-  VNZ: Năm 2022, Công ty Cổ phần VNG công bố báo cáo tài chính quý 4/2022 với khoản lỗ sau thuế 1.315 tỷ đồng.
-  MPC: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú báo lợi nhuận sau thuế đạt 802,2 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2021.
-  DNN: Năm 2022, Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng ghi nhận lãi sau thuế hơn 160 tỷ đồng.
-  SSH: CTCP Phát triển Sunshine Homes ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 344 tỷ đồng năm 2022.
-  VNR: Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam công bố báo cáo tài chính quý 4/2022 với khoản lãi đạt 237 tỷ đồng, tăng 82% so với năm 2021.
-  BLI: Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long công bố báo cáo tài chính quý 4/2022 với khoản lợi nhuận gộp đạt 237 tỷ đồng, giảm 18% so với năm 2021.
-  VJC: Năm 2022, Công ty Cổ phần Vietjet thông báo khoản lỗ sau thuế 2.171 tỷ đồng.
-  HHV: Ông Phạm Đình Thắng hoàn tất mua vào 9,5 triệu cổ phiếu CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả.
-  TTS: Năm 2023, Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung đặt mục tiêu doanh thu đạt trên 5.095 tỷ đồng.
-  QCG: Năm 2022, CTCP Quốc Cường Gia Lai báo lợi nhuận gộp đạt 137 tỷ đồng, giảm 40% so với năm trước.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	03/02/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.077,59	0,15%	-2,75%	3,23%	7,00%
HNX30 INDEX	365,83	-0,54%	-3,46%	3,66%	10,49%
VN30 INDEX	1.093,48	0,50%	-2,53%	4,41%	8,78%
S&P 500	4.179,76	1,47%	2,94%	8,86%	8,86%
Dow Jones	34.053,94	-0,11%	0,31%	2,74%	2,74%
Nasdaq	12.200,82	3,25%	5,98%	16,57%	16,57%
Shanghai Composite	3.285,67	0,02%	0,64%	5,43%	6,36%
Nikkei 225	27.575,79	0,63%	0,71%	5,68%	5,68%
Thailand SET	1.682,58	-0,19%	0,67%	0,22%	0,83%
Malaysia	1.492,61	0,22%	-0,35%	1,30%	-0,16%
Philippine	6.986,19	-0,70%	-0,80%	6,08%	6,39%
Indonesia JCI	6.890,57	0,41%	0,38%	0,03%	0,58%
FTSE 100	7.820,16	0,76%	0,76%	3,52%	4,94%
DAX	15.509,19	2,16%	2,49%	9,36%	11,39%
CAC 40	7.166,27	1,26%	0,99%	8,19%	10,70%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
ABR	10.700	1.000	7,00%
VCF	240.800	200	6,97%
COM	33.150	1.000	6,94%
SRF	10.350	40.400	6,70%
SII	13.500	2.700	6,30%
VTB	16.200	100	6,23%
MWG	49.900	4.860.800	5,94%
DHM	11.750	264.500	5,86%
VAF	10.350	1.000	5,72%
SVC	56.800	2.500	5,58%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
DRH	5.190	4.956.800	-6,99%
TDC	10.050	1.785.300	-6,94%
HU3	5.770	600	-6,94%
ST8	11.100	61.300	-6,72%
LEC	5.740	1.100	-6,67%
HAS	6.410	1.100	-6,42%
HTN	13.550	515.600	-6,23%
HOT	21.350	400	-6,15%
ITA	4.240	3.104.400	-5,78%
ILB	31.000	1.500	-5,78%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
HJS	33.700	500	9,77%
TVD	13.900	762.724	9,45%
TOT	12.800	100	9,40%
TC6	8.200	1.126.619	9,33%
L40	21.800	500	9,00%
KSV	30.000	200	8,70%
MCO	4.000	5.900	8,11%
MDC	13.100	115.320	7,38%
UNI	10.300	102	7,29%
AME	10.500	5.520	7,14%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
X20	9.000	500	-10,00%
GDW	26.400	300	-9,90%
TSB	42.200	86.033	-9,83%
PPE	11.300	100	-9,60%
PSE	10.000	62.800	-9,09%
KSQ	2.000	78.100	-9,09%
VTZ	8.100	900	-8,99%
PGT	3.100	19.500	-8,82%
PRC	43.600	2.100	-8,79%
BII	2.100	644.452	-8,70%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HPG	136.700	KBC	47.628
2	STB	100.292	VHM	30.235
3	FUEVFNVD	38.240	VNM	10.333
4	VIC	35.323	MSN	9.630
5	SSI	27.777	KDH	9.276
6	VND	21.044	PVT	8.571
7	HCM	21.041	NVL	8.349
8	DPM	18.410	KDC	6.248
9	HDB	16.118	HAH	5.569
10	VCG	15.671	BMP	3.657

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	16.161	PVS	1.656
2	CEO	12.282	PLC	757
3	SHS	2.856	IDV	67
4	TNG	2.839	NBC	5
5	APS	2.566	PPS	1
6	HUT	1.658	MCO	0
7	VCS	1.481	API	0
8	MBS	1.246	AMV	0
9	THD	1.206	AME	0
10	NVB	1.087	AMC	0

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	03/02/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	75,88	-0,69%	-4,57%	-1,16%	-5,26%
Oil Brent	USD/bbl.	82,17	-0,81%	-4,98%	0,29%	-4,16%
Thép thanh	CNY/MT	4.088,00	-0,85%	-3,57%	-0,42%	-1,44%
Nhôm	USD/MT	2.587,01	-0,59%	-0,87%	10,11%	10,11%
Đồng	USd/lb.	409,10	-0,49%	-2,72%	9,05%	7,79%
Than	USD/MT	244,65	-0,95%	-31,20%	-39,47%	-39,47%
Đường	USd/lb.	21,66	1,36%	4,74%	8,08%	8,08%
Ngô	USd/bu.	675,25	-0,84%	-1,39%	0,45%	-0,74%
Gas	USD/MMBtu	2,46	-0,49%	-21,20%	-38,57%	-45,25%
Sữa	USD/cwt	17,93	0,17%	-7,85%	-12,27%	-12,31%
Vàng	USD/t oz.	1.930,80	-0,62%	-0,80%	3,65%	4,77%
Bạc	USD/t oz.	23,62	0,03%	0,01%	-2,52%	-1,73%
Lúa Mỳ	USd/bu.	761,00	0,16%	1,13%	-2,19%	-4,23%
Thịt lợn	USd/lb.	75,35	1,86%	-2,17%	-14,08%	-14,08%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.225,00	-0,54%	0,72%	1,88%	1,88%

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!